

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch hồ suối Cam (giai đoạn II), diện tích 1.669.843,88 m² tại phường Tân Phú và phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Liên danh Phúc An Khang Bình Phước – LICOGI 13 – Trung Chính làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch suối Cam (giai đoạn II), diện tích 1.669.843,88 m² tại phường Tân Phú và phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Liên danh Phúc An Khang Bình Phước – LICOGI 13 – Trung Chính làm chủ đầu tư, đại diện là Công ty Cổ phần Phúc An Khang Bình Phước đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 69/CV-PAK ngày 22/7/2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 471/TTr-STNMT ngày 03/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu du lịch hồ suối Cam (giai đoạn II), diện tích 1.669.843,88 m² (sau đây gọi là Dự án) của Liên danh Phúc An Khang Bình Phước – LICOGI 13 – Trung Chính (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại phường Tân Phú và phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND phường Tân Phú, Chủ tịch UBND phường Tiến Thành, Người đại diện theo pháp luật của Liên danh Phúc An Khang Bình Phước – LICOGI 13 – Trung Chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-41-QĐPD-TNMT).



Huyền Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Khu du lịch hồ suối Cam (giai đoạn II), diện tích 1.669.843,88 m² do Liên danh Phúc An Khang Bình Phước – LICOGI 13 – Trung Chính làm chủ đầu tư tại phường Tân Phú và phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 1.802../QĐ-UBND ngày 06/08/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Dự án Khu du lịch hồ suối Cam (giai đoạn II), diện tích 1.669.843,88 m².

1.2. Chủ Dự án: Liên danh Phúc An Khang Bình Phước – LICOGI 13 – Trung Chính, đại diện là Công ty Cổ phần Phúc An Khang Bình Phước.

Công ty Cổ phần Phúc An Khang Bình Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3801151581 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 04/7/2017, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/7/2019 (cấp lại lần thứ 1 ngày 05/3/2018, chuyển đổi ngày 12/7/2019 từ Công ty TNHH Phúc An Khang Bình Phước).

Trụ sở chính: Số 216, đường Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc Trung, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Phường Tân Phú và phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 1.669.843,88 m², trong đó: đất ở: 447.962,86 m², đất công trình công cộng: 87.441,09 m², đất thương mại dịch vụ: 101.480,13 m², đất nhà ở xã hội: 50.084,74 m², đất tái định cư cho Dự án: 37.510,42 m², đất tái định cư do tỉnh quản lý: 22.222,27 m², đất tôn giáo: 5.910,49 m², đất cây xanh: 324.581,21 m², đất giao thông: 592.650,67 m².

1.5. Tính chất của Dự án: Là khu công viên, cây xanh kết hợp với khu ở, các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, dịch vụ vui chơi, giải trí phục vụ cho người dân trên địa bàn thành phố Đồng Xoài và vùng phụ cận.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Bao gồm đất ở, đất công trình công cộng, đất thương mại dịch vụ, đất nhà ở xã hội, đất tái định cư cho Dự án, đất tái định cư do tỉnh quản lý, đất tôn giáo, đất cây xanh và đất giao thông.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Gồm bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển đất; bụi, khí thải của các thiết bị thi công; bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và đất đắp; bụi, khí thải từ các

hoạt động cơ khí; nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải xây dựng; chất thải rắn từ sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Gồm khí thải từ hoạt động giao thông; khí thải phát sinh từ việc đun nấu thức ăn của người dân; mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy rác tại các vị trí tập trung rác của Dự án; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 30,4 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 10 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư:* Lưu lượng khoảng 2.805 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại, dịch vụ, trường học, du lịch, cơ quan hành chính:* Lưu lượng khoảng 674,6 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải y tế:* Lưu lượng khoảng 14,3 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm các chất hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển đất:* Lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đất có nồng độ 0,000075 mg/m³, trong quá trình đắp đất có nồng độ 0,000147 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các thiết bị thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và đất đắp:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như khói hàn (chứa nhiều bụi), CO, NO_x.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ hoạt động giao thông:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như TSP, SO, NO, CO.

- *Khí thải phát sinh từ việc đun nấu của người dân:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC.

- *Mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy rác tại các vị trí tập trung rác của Dự án:* Thành phần các khí chủ yếu sinh ra từ quá trình phân hủy chất hữu cơ bao gồm CO₂, NH₃, H₂S, CO...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 100 kg/ngày, chủ yếu bao bì xi măng, nguyên vật liệu xây dựng phế thải...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 84 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 70% – 80% chất hữu cơ và 20% – 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ở khoảng 15.708 kg/ngày; từ khu vực công cộng, quảng trường... khoảng 3.141,6 kg/ngày và từ đường phố khoảng 5.926,5 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm thực phẩm, cỏ, lá cây, giấy các loại, vải, nhựa, cao su, kim loại, vỏ nghêu, sò, ốc, xương...

- *Chất thải rắn sinh hoạt từ khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng (trừ khu vực công cộng, quảng trường):* Đơn vị thực hiện các Dự án tại khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng phải lập hồ sơ môi trường và phương án bảo vệ môi trường riêng cho từng khu vực theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 158 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu nhớt thải; dầu nhớt thải; que hàn thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ mỗi hộ gia đình khoảng 0,22 kg/năm bao gồm các loại chất thải như bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải... Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình chăm sóc cây xanh khoảng 20 kg/năm bao gồm các loại chất thải như bao bì cứng thải không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ; bao bì thải chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ...

Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng, đơn vị thực hiện các Dự án tại khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng phải lập hồ sơ môi trường và phương án bảo vệ môi trường riêng cho từng khu vực theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Nước thải xây dựng được thu gom vào hố ga lắng tạm bằng đất lót bạt HDPE, kích thước 03 m x 03 m x 1,5 m. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho việc tưới đường giao thông nội bộ của Dự án để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 04 nhà vệ di động có kích thước phủ bì: 260 cm x 90 cm x 135 cm, kích thước lọt lòng mỗi buồng: 200 cm x 85 cm x 100 cm, dung tích bồn nước: 500 lít, dung tích bồn phân: 1.200 lít. Khi các hầm chứa tại các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt từ các hộ dân*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn của mỗi hộ dân, sau đó được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Đồng Xoài, công suất 10.000 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng*: Đơn vị thực hiện các Dự án tại khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng phải lập hồ sơ môi trường và phương án bảo vệ môi trường riêng cho từng khu vực theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Các công trình khu thương mại, dịch vụ và công cộng phải lập hồ sơ môi trường và phương án bảo vệ môi trường riêng cho từng khu vực theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ san nền, đào móng*: Các hạng mục gần khu dân cư được che chắn bằng tôn cao 2,5 m, tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển và tập kết máy móc, nguyên vật liệu*: Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ hợp lý trước khi vận chuyển để tránh phát tán bụi; sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; sử dụng phương pháp vận tải thích hợp nhằm giảm bụi; rửa bánh xe khi xe chạy ra khỏi Dự án...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động đổ trộn bê tông, trải nhựa làm mặt đường*: Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; phun sương giảm bụi vào mùa khô tại khu vực trộn bê tông phát sinh bụi; bố trí thời gian thi công hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động hàn, cắt, sơn, xỉ kim loại:* Bố trí khu vực hàn, xỉ ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông:* Trồng thêm cây xanh dọc tuyến đường giao thông, xung quanh khu thương mại và giáo dục; bố trí nhân viên vệ sinh, quét đường...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ các thùng chứa rác:* Bố trí số lượng thùng thu gom rác có nắp đậy ở các khu vực công cộng; bố trí thời gian thu gom vào những thời điểm có mật độ người lưu thông thấp trong ngày; định kỳ vệ sinh các thùng chứa...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị 02 thùng chứa rác HDPE với thể tích 120 lít tại công trường để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình:* Cứ 100 m dọc theo vỉa hè của các tuyến đường trong khu nhà ở được bố trí 01 thùng màu xanh và 01 thùng màu xám, dung tích 120 lít/mỗi thùng, có

nắp đậy, các hộ dân tự mang rác bỏ vào các thùng chứa rác này và trung bình 01 lần/ngày có đội vệ sinh của Dự án đến thu gom.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực công cộng – quảng trường, các tuyến đường*: Dọc các tuyến đường của công viên được bố trí 01 thùng màu xanh và 01 thùng màu xám, dung tích 120 lít/mỗi thùng, có nắp đậy, đảm bảo bán kính phục vụ từ 50 m đến 100 m. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực thương mại, dịch vụ và công trình công cộng (trừ khu vực công cộng – quảng trường)*: Đơn vị thực hiện các Dự án tại khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng phải lập hồ sơ môi trường và phương án bảo vệ môi trường riêng cho từng khu vực theo đúng quy định trước khi triển khai thực hiện.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Thu gom, phân loại vào 04 thùng chứa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn... theo đúng các quy định về quản lý chất thải nguy hại, lưu chứa tạm tại nhà kho có kích thước 03 m x 03 m. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ dân*: Chủ Dự án đầu tư 02 kho chứa chất thải nguy hại với kích thước 03 m x 03 m, kết cấu: nền bê tông, tường và mái làm bằng tôn... theo đúng các quy định về quản lý chất thải nguy hại, bố trí tại khu TM – 04 và TM – 05, các hộ dân tự thu gom chất thải nguy hại và bỏ vào các nhà kho này. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh tại khu thương mại, dịch vụ và công trình công cộng*: Đơn vị thực hiện các công trình này chịu trách nhiệm bố trí kho chứa riêng trong diện tích đất của các công trình này và hợp đồng cụ thể với đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái:* Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải, chất thải rắn trong quá trình xây dựng; tuyên truyền nâng cao ý thức của công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định thời gian hoạt động của các dịch vụ công cộng và khu thương mại; bố trí xây dựng khu nhà ở, khu dịch vụ theo đúng quy hoạch được phê duyệt; trồng thêm và chăm sóc cây xanh xung quanh khu thương mại và dân cư...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến nước mặt:* Thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại tránh phát tán ra môi trường xung quanh; nâng cao ý thức người dân trong công tác bảo vệ môi trường...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Mỗi gia đình chủ động trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy; thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, các thiết bị điện...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống thu gom nước thải, nước mưa và nước cấp:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đường ống; có kế hoạch xử lý kịp thời khi có sự cố đối với hệ thống...

- *Biện pháp phòng ngừa sự cố bơm trung chuyển nước thải:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ bơm; có kế hoạch xử lý kịp thời khi có sự cố đối với các bơm trung chuyển...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thi công.
- Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO_x, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Theo dõi thường xuyên, liên tục khối lượng, thành phần chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh tại nơi lưu giữ.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2. Giám sát khác: Thường xuyên giám sát hệ thống thoát nước mưa, kho chứa vật liệu xây dựng...

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Theo dõi thường xuyên, liên tục khối lượng, thành phần chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh tại nơi lưu giữ.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.3. Chủ Dự án phải đảm bảo thực hiện Dự án theo đúng nội dung đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 1022/UBND-KT ngày 15/4/2020 về việc chấp thuận điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn II) và Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn II) và quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các công trình bảo vệ môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 536/UBND ngày 12/8/2019 của UBND phường Tân Phú về việc tham vấn ý kiến đánh giá tác động môi trường đối với Dự án Khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn II) và Công văn số 756/UBND ngày 08/8/2019 của UBND phường Tiến Thành về việc ý kiến tham vấn về Dự án Khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn II) và các Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 07/8/2019 tại Hội trường phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài và ngày 08/8/2019 tại Hội trường phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.